

BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

Dự án: Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Phường Minh Hưng - Đợt 04)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /05/2026 của UBND phường Minh Hưng)

STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Số CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi									A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định														B. Tái định cư		Ghi chú
					Địa chỉ thửa đất	BD trên GCNQSDĐ		BD dự án		Số tờ BD (Theo CV số 106/V/PĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)		Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách (đồng)	Hỗ trợ tuyến đường giao thông chính (đồng)	Khen thưởng (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bố trí	Dự kiến bố trí tại khu dân cư Thành Tâm			
						Số thửa	Số tờ BD	Số thửa	Số tờ BD	Số thửa	Số tờ BD	Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)																
(1)	(2)	(3)	-4	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)		
1	47- MH/PACT-TQL13-HL	Hộ ông Đặng Văn Phú và bà Lê Thị Lưu	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tp Đồng Nai	074063001307 070162001183	Khu phố 5	39	20	5	3	39	20	5.023,9	0,0	5.023,9	1.974.617.680	304.207.383	165.349.080	0	0	2.961.926.520	0		0	0	5.406.100.663					
2	48- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Nguyễn Văn Tuyến và bà Hồ Thị Tinh	Khu phố 5, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	040083005604 040185007994	Khu phố 5	4.127	5	2	TD02-2025	4.127	5	1.117,5	0,0	1.117,5	279.375.000	0	33.112.275	0	0	419.062.500	0		0	0	731.549.775					
3	49- MH/PACT-TQL13-HL	Bà Hoàng Thị Mai	Khu phố 5, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	040165003705	Khu phố 5	11	21	2	4	11	21	2.974,9	0,0	2.974,9	969.817.400	75.136.480	104.137.370	0	0	1.231.608.600	0		0	0	2.380.699.850					
4	50- MH/PACT-TQL13-HL	Hộ ông Nguyễn Văn Công và bà Hồ Thị Lã	Khu phố 5, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	040049001415 040155001577	Khu phố 5	18	15	17	TD01-2025	18	15	3.358,4	0,0	3.358,4	661.604.800	0	99.270.696	0	0	765.715.200	0		0	0	1.526.590.696					
5	51- MH/PACT-TQL13-HL	Hộ ông Trần Văn Năng và bà Hồ Thị Liên	Khu phố 5, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	040052002185 040150002532	Khu phố 5	75	16	18	TD01-2025	75	16	3.443,4	0,0	3.443,4	1.122.548.400	0	105.710.335	0	0	1.425.567.600	0		0	0	2.653.826.335					
6	52- MH/PACT-TQL13-HL	Hộ ông Thái Hiền Vương và bà Võ Thị Thanh Thuý	Khu phố 5, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	086070001086 079172021050	Khu phố 5	9	15	10	5	9	15	2.318,4	100,0	2.218,4	498.624.800	44.277.540	734.740	0	0	505.795.200	0		0	20.000.000	1.069.432.280	Đủ điều kiện	Có bố trí			
7	53- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Hồ Văn Nường và bà Trần Thị Như	Khu phố 5, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	070076001434 040176005820	Khu phố 5	1.180	5	5	6	1.180	5	2.956,6	0,0	2.956,6	963.851.600	0	73.924.694	0	0	1.224.032.400	0		0	0	2.261.808.694					
8	54- MH/PACT-TQL13-HL	Bà Trần Thị Phương	Thôn Tân Hiệp 1, xã Tân Khai, thành phố Đồng Nai	040171026683	Khu phố 5	170	15	13	6	170	15	139,2	0,0	139,2	45.379.200	0	0	0	0	57.628.800	0		0	0	103.008.000					
9	55- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Đinh Trọng Ngọc	Xã Minh Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh	074086001318	Khu phố 5	163	15	27	6	163	15	134,8	0,0	134,8	43.944.800	0	0	0	0	55.807.200	0		0	0	99.752.000					
10	56- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Lê Văn Thiện	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049084001448	Khu phố Minh Long 2	90	9	1	1	1	137	955,9	0,0	955,9	311.623.400	7.375.000	39.000.440	0	0	395.742.600	0		0	0	753.741.440					
11	57- MH/PACT-TQL13-HL	Bà Thái Thị Thu Trinh	Khu phố 3B, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai	070192008486	Khu phố Minh Long 2	78	4	1	TD 05 - 2023	20	125	4.142,7	0,0	4.142,7	1.632.223.800	0	135.315.413	0	0	2.448.335.700	0		0	0	4.215.874.913					
12	58- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Khúc Trần An và bà Nguyễn Thị Sơn	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049063001429 070163001611	Khu phố Minh Long 2	39	14	17	1	127	149	1.776,6	2,0	1.774,6	581.705.600	7.375.000	45.513.000	0	0	734.684.400	0		0	0	1.369.278.000	Không đủ điều kiện	Không bố trí			
13	59- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Khúc Trần An và bà Nguyễn Thị Sơn	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049063001429 070163001611	Khu phố Minh Long 2	24	14	15	1	125	149	1.209,6	0,0	1.209,6	394.329.600	7.375.000	31.555.680	0	0	500.774.400	0		0	0	934.034.680					
14	60- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Phạm Ngọc Hùng và bà Phạm Thị Minh Thuý	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049073001734 049173001644	Khu phố Minh Long 2	68	9	5	1	13	137	1.547,1	0,0	1.547,1	504.354.600	87.061.011	189.030.376	0	0	640.499.400	0		0	0	1.420.945.387					
15	61- MH/PACT-TQL13-HL	Hộ ông Phan Thanh Châu	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	070060001401	Khu phố Minh Long 2	344	9	8	1	44	137	3.124,2	0,0	3.124,2	1.018.489.200	32.351.480	129.362.408	0	0	1.293.418.800	0		0	0	2.473.621.888					
16	62- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Trần Cảnh Tuấn	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049077001336	Khu phố Minh Long 2	223	9	12	1	46	137	2.179,9	0,0	2.179,9	710.647.400	238.838.800	66.258.167	0	0	902.478.600	0		0	0	1.918.222.967					
17	63- MH/PACT-TQL13-HL	Bà Trần Đỗ Thị Hồng Ánh	Khu phố Minh Long 1, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	070184003258	Khu phố Minh Long 2	415	14	23	TD 51 - 2022	26	149	334,8	100,0	234,8	235.844.800	0	0	0	0	0	0		0	16.000.000	251.844.800	Đủ điều kiện	Có bố trí			
18	64- MH/PACT-TQL13-HL	Ông Lê Trọng Kết	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	038065045060	Khu phố Minh Long 2	45	130	9	TD 10 - 2023	45	130	1.724,1	0,0	1.724,1	679.295.400	28.731.680	118.855.180	0	0	0	0		0	0	826.882.260					

STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Số CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi									A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định													B. Tái định cư		Ghi chú
					Địa chỉ thửa đất	BD trên GCNQSDĐ		BD dự án		Số tờ BD (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKDD)		Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ đổi tượng thuộc diện chính sách (đồng)	Hỗ trợ tuyến đường giao thông chính (đồng)	Khen thưởng (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bố trí	Dự kiến bố trí tại khu dân cư Thành Tâm		
						Số thửa	Số tờ BD	Số thửa	Số tờ BD	Số thửa	Số tờ BD	Tổng đất thu hồi (m²)	Đất ở thu hồi (m²)	Đất NN thu hồi (m²)															
(1)	(2)	(3)	-4	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	
19	65-MH/PACT-TQL13-HL	Ông Đào Công Tân	Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	040076000766	Khu phố Minh Long 2	35	125	5	TD 05-2023	35	125	11.005,7	0,0	11.005,7	4.336.245.800	0	362.846.979	0	0	6.504.368.700	0		0	0	11.203.461.479				
20	66-MH/PACT-TQL13-HL	Ông Võ Xuân Huy	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049081001123	Khu phố Minh Long 2	248	9	2	1	11	137	4.784,6	100,0	4.684,6	1.686.479.600	936.907.578	205.072.259	0	58.000.000	0	0	0	20.000.000	2.906.459.437	Chủ sử dụng không có nhu cầu nhận đất tái định cư	Không bố trí			
21	67-MH/PACT-TQL13-HL	Hồ ông Trần Văn Mai	Khu phố Minh Long 2, phường Minh Hưng, tp Đồng Nai	049072022134	Khu phố Minh Long 2	50	9	14	TD01-2023	100	130	1.996,8	0,0	1.996,8	650.956.800	269.000.790	93.359.401	0	0	826.675.200	0		0	0	1.839.992.191				
Tổng						21		21		21		56.249,1	302,0	55.947,1	19.301.959.680	2.038.637.742	1.998.408.493	0	58.000.000	22.894.121.820	0	0	0	56.000.000	46.347.127.735				